**MẪU SỐ 2B**

**MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ DỰ THẦU**

**(Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp**

**áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)**

*(Kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT*

*ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| Luật Đấu thầu | Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 |
| Nghị định số 24/2024/NĐ-CP | Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu |
| HSMT | Hồ sơ mời thầu |
| HSDT | Hồ sơ dự thầu |
| KHTTLCNT | Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu |
| KHLCNT | Kế hoạch lựa chọn nhà thầu |

**PHẦN I**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT**

***Tên gói thầu:***

***Dự án[[1]](#footnote-1):***

***Chủ đầu tư:***

***Bên mời thầu:***

|  |  |
| --- | --- |
| **[TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ]****TỔ CHUYÊN GIA**Số: \_\_\_\_\_\_\_\_\_ *(nếu có)*  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng\_\_\_\_ năm \_\_\_\_* |
|  |  |

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

# HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Tên gói thầu \_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]*

*Thuộc dự án* \_\_\_\_\_ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[Ghi tên Bên mời thầu]*

##

## I. THÔNG TIN CƠ BẢN

### 1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

a) Khái quát về dự án

- Người có thẩm quyền;

- Chủ đầu tư;

- Bên mời thầu;

- Tên và tóm tắt về dự án:

b) Thông tin về gói thầu

- Tên gói thầu và tóm tắt về gói thầu; nội dung của gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có), kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

- Số KHTTLCNT (nếu có): \_\_\_, thời điểm đăng tải: \_\_\_;

- Số KHLCNT: \_\_\_, thời điểm đăng tải: \_\_\_;

*-* Số thông báo mời thầu: \_\_\_,thời điểm đăng tải: \_\_\_;

- Thời gian chuẩn bị HSDT: \_\_\_;

*Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê tại phụ lục và đính kèm (bản chụp) báo cáo này.*

c) Thông tin đóng thầu

- Thời điểm đóng thầu, gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có);

### - Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: \_\_\_\_\_ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu]*.

### - Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): \_\_\_\_\_ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu nộp HSDT]*.

### - Các nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): \_\_\_\_\_ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu rút HSDT]*.

### - Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi HSDT (nếu có): \_\_\_\_\_ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi HSDT]*.

d) Thông tin mở thầu

- Thời gian và địa điểm mở thầu;

### - Tên nhà thầu; thời gian có hiệu lực của HSDT; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu; giảm giá (nếu có); hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu; thời gian thực hiện gói thầu ghi trong đơn dự thầu.

### - Các vấn đề trong quá trình mở thầu cần xử lý tình huống (nếu có).

### 2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập Tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được \_\_\_\_ *[Ghi tên Chủ đầu tư/ đơn vị tư vấn đấu thầu]*thành lập theo Quyết định số \_\_\_\_\_ *[Ghi số và ngày ban hành văn bản]* để thực hiện đánh giá HSDT gói thầu \_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *\_\_\_\_ [Ghi tên dự án].*

*Trường hợp* *thuê đơn vị tư vấn đấu thầu đánh giá HSDT thì bổ sung nội dung sau:*

Căn cứ hợp đồng số *[Ghi số hiệu hợp đồng]* ngày *[Ghi thời gian ký hợp đồng]* giữa *[Ghi tên Chủ đầu tư]* và\_\_\_\_ *[Ghi tên đơn vị tư vấn đấu thầu]* về việc thuê tổ chức/đơn vị đánh giá HSDT gói thầu *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[Ghi tên dự án].*

b) Thành phần Tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong Tổ chuyên gia tại* ***Bảng số 1****.*

**Bảng số 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ, vị trí trong Tổ chuyên gia** | **Phân công công việc của các thành viên** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

c) Cách thức làm việc của Tổ chuyên gia:

*Phần này nêu cách thức làm việc của Tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của Tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong Tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.*

## II. KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HSĐXKT

### 1. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

*Tổ chuyên gia* *ghi kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp của HSDT do Bên mời thầu thực hiện (lập theo Mẫu số 1A).*

### 2. Kết quả kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐXKT

a) Trên cơ sở kiểm tra các thành phần của HSĐXKT *(lập theo Mẫu số 1B)*; đánh giá về tính hợp lệ của từng HSĐXKT *(lập theo Mẫu số 2)*, kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSĐXKT được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

**Bảng số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà thầu** | **Kết luận****(Đạt, không đạt)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

b)Thuyết minh về các trường hợp HSĐXKT không hợp lệ (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSĐXKT (nếu có))*.*

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSĐXKT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có)*.*

*Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSĐXKT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSĐXKT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSĐXKT (nếu có)).*

### 3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm[[2]](#footnote-2)

a) Trên cơ sở đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của từng nhà thầu *(lập theo Mẫu số 3),* kết quả đánh giá nội dung được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

**Bảng số 3**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà thầu** | **Kết luận****(Đạt, không đạt)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong HSMT.

*Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSĐXKT, thay thế nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu (nếu có)).*

c) Các nội dung làm rõ HSĐXKT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có).

*Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSĐXKT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSĐXKT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSĐXKT (nếu có)).*

### 4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Trên cơ sở đánh giá về kỹ thuật của từng HSĐXKT (*lập theo Mẫu số 4A hoặc Mẫu số 4B),* kết quả đánh giá về kỹ thuậtđược tổng hợp theo **Bảng số 4** dưới đây:

**Bảng số 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà thầu** | **Kết quả đánh giá**  | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSMT (kể cả sau khi đã làm rõ HSDT (nếu có)).

*Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của HSMT.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá.

*Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong Tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó (nếu có).*

## III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

*Trên cơ sở đánh giá HSĐXKT, Tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:*

*1. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

*2. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSĐXKT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.*

*[Trường hợp nội dung này không có thì ghi KHÔNG CÓ]*

**IV. Ý KIẾN BẢO LƯU**

*Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Ý kiến bảo lưu** | **Lý do** | **Ký tên** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

*[Trường hợp nội dung này không có thì ghi KHÔNG CÓ]*

## Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*[Tất cả các thành viên của Tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].*

**Mẫu số 1A**

**KIỂM TRA SỰ THỐNG NHẤT GIỮA BẢN GỐC VÀ BẢN CHỤP**

**CỦA HSĐXKT[[3]](#footnote-3)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà thầu** | **Kết quả kiểm tra** | **Ghi chú** |
| **Thống nhất** | **Không thống nhất** |
| **Bản gốc** | **Bản chụp** |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

*Trường hợp thống nhất thì đánh dấu X vào ô "Thống nhất", trường hợp không thống nhất thì nêu rõ nội dung không thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.*

 **Người kiểm tra**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 1B**

**KIỂM TRA CÁC THÀNH PHẦN CỦA HSĐXKT**

HSĐXKT của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiểm tra** | **Kết quả (1)** | **Ghi chú** |
| **Có** | **Không có** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

 **Người kiểm tra**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Có”, nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không có”.*

**Mẫu số 2**

**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐXKT**

HSĐXKT của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Kết quả đánh giá (2)** | **Nhận xét(3)** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN**(4) |  |  |  |

 **Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.*

*(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu đánh giá là “đạt” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đạt"* *(trường hợp đáp ứng sau khi bổ sung, làm rõ thì nêu rõ tại cột Ghi chú tương ứng), nếu đánh giá là “không đạt” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đạt”.*

*(3) Đưa ra nhận xét, lý do về việc HSĐXKT của nhà thầu đáp ứng hay không đáp ứng đối với mỗi tiêu chí theo yêu cầu của HSMT.*

*(4) HSĐXKT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.*

**Mẫu số 3**

**ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

HSĐXKT của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm(1)** | **Thông tin trong HSĐXKT(2)** | **Nhận xét của chuyên gia (3)** | **Kết quả đánh giá(4)** | **Ghi chú** |
| **Mô tả** | **Yêu cầu** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **Kết luận(5)** |  |  |  |

 **Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1) Theo tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định trong HSMT.*

*(2) Trích dẫn các thông tin chính trong HSĐXKT làm cơ sở đưa ra nhận xét, đánh giá.*

*(3) Đưa ra nhận xét, lý do về việc HSĐXKT của nhà thầu đáp ứng hay không đáp ứng đối với mỗi tiêu chí theo yêu cầu của HSMT. Trong đó lưu ý các nội dung sau:*

*- Về kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm:*

*+ Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh: Không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế; không phải đánh giá tiêu chí kết quả hoạt động tài chính.*

*+ Đối với tiêu chí về doanh thu bình quân hằng năm:*

*Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.*

*Đối với nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với HSMT không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về công nghệ, pháp luật về đầu tư để chứng minh.*

*Đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam, không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu khi nhà thầu chào thầu hàng hóa mà chủng loại hàng hóa này lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong thời gian 05 năm trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu được hưởng ưu đãi này kể từ khi nhà thầu được thành lập nhưng không quá 07 năm tính đến thời điểm đóng thầu.*

*Trường hợp nhà thầu liên danh tham gia gói thầu EPC, EP, PC và trong phần cung cấp hàng hóa có các sản phẩm được ưu đãi nêu trên (sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, sản phẩm được sản xuất từ chuyển giao công nghệ, hàng hóa có xuất xứ Việt Nam) thì chỉ thành viên liên danh sản xuất đồng thời cung cấp các sản phẩm này được hưởng ưu đãi khi tính doanh thu bình quân hàng năm.*

*- Về nguồn lực tài chính đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC: Trường hợp nhà thầu cung cấp cam kết cung cấp tín dụng theo quy định của HSMT, Tổ chuyên gia căn cứ vào tài liệu đính kèm để đánh giá. Cam kết cung cấp tín dụng bổ sung sau thời điểm đóng thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.*

*(4) Trên cơ sở nội dung "Nhận xét của chuyên gia" đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “đạt” thì ghi "Đạt", nếu được đánh giá là "không đạt" thì ghi "Không đạt".*

*(5) HSĐXKT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.*

*Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSĐXKT của nhà thầu (nếu có).*

**Mẫu số 4A**

**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

**(Sử dụng phương pháp chấm điểm)**

HSĐXKT của nhà thầu: \_\_\_\_\_\_

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Mức điểm quy định trong HSMT(2)**  | **ĐÁNH GIÁ(3)** | **Ghi chú** |
| **Điểm tối đa** | **Điểm tối thiểu** | **Điểm** | **Nhận xét của chuyên gia** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN (4)** |  |  |  |

 **Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1), (2) Theo quy định trong HSMT.*

*(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.*

*(4) HSĐXKT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT trên cơ sở số điểm của nhà thầu.*

*Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSĐXKT của nhà thầu (nếu có)*.

**Mẫu số 4B**

**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

**(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)**

HSĐXKT của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Kết quả đánh giá (2)** | **Nhận xét của chuyên gia** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Chấp****nhận được** | **Không đạt** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN (3)** |  |  |  |

***Ghi chú:***

*(1) Theo quy định trong HSMT.*

*(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "Đạt" hoặc "Chấp nhận được" hoặc "Không đạt" thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia. Tiêu chí “Chấp nhận được” chỉ áp dụng trong trường hợp tiêu chuẩn đánh giá thuộc HSMT có quy định về nội dung “Chấp nhận được”.*

*(3)* *HSĐXKT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.*

*Đính kèm theo văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu, văn bản bổ sung, làm rõ HSĐXKT của nhà thầu (nếu có).*

 **PHẦN II**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH**

***Tên gói thầu:***

***Dự án[[4]](#footnote-4):***

***Chủ đầu tư:***

***Bên mời thầu:***

|  |  |
| --- | --- |
| **[TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ]****TỔ CHUYÊN GIA**Số: \_\_\_\_\_\_\_\_\_ *(nếu có)*  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc***\_\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng\_\_\_\_ năm \_\_\_\_* |

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

# HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH

Tên gói thầu \_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]*

thuộc dự án \_\_\_\_\_ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[Ghi tên Bên mời thầu]*

**I.** **THÔNG TIN CƠ BẢN**

**1. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật**

Căn cứ Quyết định số \_\_\_ ngày \_\_\_ của \_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư]* về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật bao gồm:

*[Liệt kê danh sách nhà thầu theo quyết định phê duyệt].*

### 2. Mở HSĐXTC

*Phần này ghi rõ các thông tin dưới đây:*

- Thời gian và địa điểm mở HSĐXTC;

- Danh sách các nhà thầu được mở HSĐXTC;

- Các vấn đề trong quá trình mở HSĐXTC cần xử lý tình huống (nếu có).

**II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSĐXTC**

### 1. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

*Tổ chuyên gia nêu kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp của HSĐXTC do Bên mời thầu thực hiện (lập theo Mẫu số 1A).*

### 2. Kết quả kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐXTC

a) Trên cơ sở kiểm tra các thành phần của HSĐXTC (*lập theo Mẫu số 1B),* đánh giá về tính hợp lệ của từng HSĐXTC (*lập theo Mẫu số 2),* kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSĐXTC được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

**Bảng số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà thầu** | **Kết luận****(Đạt/không đạt)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

b) Thuyết minh về các trường hợp HSĐXTC không hợp lệ(kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSĐXTC (nếu có))*.*

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSĐXTC (nếu có).

*Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSĐXTC* *của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSĐXTC của nhà thầu liên quan đến tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSĐXTC (nếu có).*

###  3. Kết quả đánh giá về tài chính

Trên cơ sở đánh giá về giá của từng HSĐXTC *(lập theo Mẫu số 9)*, kết quả đánh giá về giáđược tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây*:*

**Bảng số 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Nhà thầu A** | **Nhà thầu B** | **…** |
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)) |  |  |  |
| 2 | Giá trị sửa lỗi (nếu có) |  |  |  |
| 3 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) |  |  |  |
| 4 | Tỷ lệ % sai lệch thiếu (nếu có) |  |  |  |
| 5 | Giá trị giảm giá (nếu có) |  |  |  |
| 6 | Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có)  |  |  |  |
| 7 | Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có) |  |  |  |
| 8 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá thấp nhất[[5]](#footnote-5)** |  |  |  |
| 9 | ΔƯĐ (chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, EPC, EP, PC nếu có) |  |  |  |
| 10 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có) |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá đánh giá[[6]](#footnote-6)** |  |  |  |
| 11 | ΔG |  |  |  |
| 12 | ΔƯĐ (chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, EPC, EP, PC nếu có) |  |  |  |
| 13 | Giá đánh giá |  |  |  |
|  | **Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá[[7]](#footnote-7)** |  |  |  |
| 14 | Điểm giá  |  |  |  |
| 15 | Điểm kỹ thuật |  |  |  |
| 16 | Điểm tổng hợp  |  |  |  |
| 17 | Điểm ưu đãi (chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, EPC, PC, EC nếu có) |  |  |  |
| 18 | Điểm tổng hợp sau ưu đãi (nếu có) |  |  |  |

*Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá HSĐXTC (nếu có).*

## III. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSĐXTC

Trên cơ sở đánh giá HSĐXTC của Tổ chuyên gia, kết quả đánh giá HSĐXTC được tổng hợp theo **Bảng số 4** với các nội dung cơ bản như sau:

**Bảng số 4**

| **STT** | **Nội dung** | **Nhà thầu** |
| --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **...** |
| 1 | Kết quả đánh giá tính hợp lệ của HSĐXTC |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá thấp nhất[[8]](#footnote-8)** |  |  |  |
| 2 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có)[[9]](#footnote-9)  |  |  |  |
| 3 | Xếp hạng các HSDT |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá đánh giá[[10]](#footnote-10)** |  |  |  |
| 4 | Giá đánh giá[[11]](#footnote-11)  |  |  |  |
| 5 | Xếp hạng các HSDT |  |  |  |
|  | **Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá[[12]](#footnote-12)** |  |  |  |
| 6 | Điểm tổng hợp sau ưu đãi (nếu có)[[13]](#footnote-13)  |  |  |  |
| 7 | Xếp hạng các HSDT |  |  |  |

***Ghi chú:***

*- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian đối với gói thầu phi tư vấn, chi phí dự phòng không dùng để so sánh, xếp hạng nhà thầu.*

*- Đối với gói thầu hàng hóa, hỗn hợp yêu cầu nhà thầu chào không tách thuế, việc so sánh, xếp hạng HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có). Đối với gói thầu yêu cầu nhà thầu chào tách thuế thì không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).*

*- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá HSDT để so sánh, xếp hạng các HSDT.*

*- Trường hợp HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau thì thực hiện xếp hạng theo quy định tại khoản 18 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.*

*- Trường hợp chỉ có 1 nhà thầu được đánh giá E-HSĐXTC, không cần tính ưu đãi, xác định giá đánh giá, điểm tổng hợp, xếp hạng nhà thầu.*

## IV. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ[[14]](#footnote-14)

*Trong trường hợp HSMT cho phép chào phương án kỹ thuật thay thế để tìm kiếm những đề xuất sáng tạo của nhà thầu mang lại hiệu quả cao hơn cho gói thầu thì cần đánh giá phương án đề xuất thay thế của nhà thầu xếp hạng thứ nhất và đề xuất các nội dung cụ thể để Bên mời thầu và nhà thầu thương thảo trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng.*

## V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

*Trên cơ sở đánh giá HSĐXTC, Tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:*

*1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu.*

*2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý.*

*3. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.*

*[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]*

**VI. Ý KIẾN BẢO LƯU**

*Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: Nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Ý kiến bảo lưu** | **Lý do** | **Ký tên** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

*[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]*

## Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*[Tất cả các thành viên của Tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].*

#

 **Mẫu số 1A**

**KIỂM TRA SỰ THỐNG NHẤT GIỮA BẢN GỐC VÀ BẢN CHỤP**

**CỦA HSĐXTC [[15]](#footnote-15)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà thầu** | **Kết quả kiểm tra** | **Ghi chú** |
| **Thống nhất** | **Không thống nhất** |
| **Bản gốc** | **Bản chụp** |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

*Trường hợp thống nhất thì đánh dấu X vào ô "Thống nhất", trường hợp không thống nhất thì nêu rõ nội dung không thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.*

 **Người kiểm tra**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

 **Mẫu số 1B**

**KIỂM TRA CÁC THÀNH PHẦN CỦA HSĐXTC**

HSĐXTC của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiểm tra** | **Kết quả (1)** | **Ghi chú** |
| **Có** | **Không có** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

 **Người kiểm tra**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Có”, nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không có”.*

**Mẫu số 2**

**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA** **HSĐXTC**

HSĐXTC của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Kết quả đánh giá (2)** | **Nhận xét(3)** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN**(4) |  |  |  |

 **Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.*

*(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “đạt” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đạt”(trường hợp đáp ứng sau khi bổ sung, làm rõ thì nêu rõ tại cột Ghi chú tương ứng), nếu được đánh giá là “không đạt” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đạt”.*

*(3)* *Đưa ra nhận xét, lý do về việc HSĐXTC của nhà thầu đáp ứng hay không đáp ứng đối với mỗi tiêu chí theo yêu cầu của HSMT.*

*(4) HSĐXTC được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.*

**Mẫu số 3**

**SỬa lỖi(1)**

HSĐXTC của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung cần sửa lỗi**  | **Giá trị lỗi số học** | **Giá trị lỗi khác** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |
| Tổng cộng | (i) | (ii) |  |
| **KẾt luẬn** |  |  |

 **Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1) Việc sửa lỗi thực hiện theo quy định trong HSMT.*

*Đính kèm theo bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả sửa lỗi HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc sửa lỗi của Bên mời thầu.*

**Mẫu số 4**

**HiỆu chỈnh sai lỆch(1)**

HSĐXTC của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung cần hiệu chỉnh****sai lệch** | **Giá trị sai lệch** | **Ghi chú** |
| **Sai lệch thiếu** | **Sai lệch thừa** |
| 1. |  | i1  | ii1  |  |
| 2. |  | i2  | ii2  |  |
| ..... |  | … | … |  |
| n. |  | in  | iin  |  |
| Tổng cộng | i  | ii  |  |
| Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)) | (iii) |  |
| Tỷ lệ sai lệch thiếu (%) | = (|i1|+|i2|+…+|in|)\*100%/ (iii)  |  |
| **KẾt luẬn(2)** |  |  |

 **Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1) Việc hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định trong HSMT.*

*(2) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi có sai lệch thiếu với tổng giá trị tuyệt đối không quá 10% giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)).*

*Đính kèm bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả hiệu chỉnh sai lệch HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc hiệu chỉnh sai lệch của Bên mời thầu.*

**Mẫu số 5**

**ChuyỂn đỔi giá DỰ THẦU SAU SỬA LỖI, HIỆU CHỈNH SAI LỆCH TRỪ GIÁ TRỊ GIẢM GIÁ (NẾU CÓ) VỀ mỘt đỒng tiỀn chung(1)**

HSĐXTC của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có)** | **Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT** | **Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

 **Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1) Trường hợp trong HSMT cho phép nhà thầu chào nhiều đồng tiền khác nhau thì trong báo cáo cần chuyển đổi giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá) sang một đồng tiền chung theo tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT.*

*Trường hợp không cần chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có) về một đồng tiền chung thì bỏ Mẫu này.*

**Mẫu số** **6**

**Đưa các chi phí vỀ mỘt mẶt bẰng đỂ**

**xác đỊnh giá đánh giá**

HSDT của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

| **STT** | **Công thức xác định ΔG** | **ΔG(1)** |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |

 **Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1) ΔG tại biểu này chưa bao gồm ΔƯĐ phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mẫu số 9.*

*Không cần xác định ΔG nếu chỉ có 01 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

**Mẫu số 7**

**XÁC ĐỊNH ĐIỂM TỔNG HỢP**

**(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)**

HSDT của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kỹ thuật** | **Tài chính** | **Điểm tổng hợp** |
| **Điểm kỹ thuật đang xét** | **Điểm kỹ thuật cao nhất** | **K** | **Gđang xét** | **Gthấp nhất** | **T** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
|  |  |  |  |  |  |  |

 **Người đánh giá**

 *(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1) Điểm kỹ thuật của nhà thầu đang xét.*

*(2) Số điểm kỹ thuật cao nhất trong số các HSDT đáp ứng về kỹ thuật.*

*(3) Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp quy định trong HSMT.*

*(4) Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của HSDT đang xét.*

*(5) Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất của các HSDT đáp ứng về kỹ thuật.*

*(6) Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp.*

*(7) Tính theo quy định của HSMT.*

**Mẫu số 8**

**XÁC ĐỊNH DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC VÀ KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG**

**ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI CỦA GÓI THẦU VÀ ĐIỂM ƯU ĐÃI HOẶC ΔƯĐ**

*Trường hợp hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì Tổ chuyên gia tiến hành kiểm tra, tính toán lại về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước để xác định mức ưu đãi nhà thầu được hưởng. Danh mục hàng hóa thuộc, không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong tổng số các loại hàng hóa theo yêu cầu của HSMT để làm cơ sở xác định điểm ưu đãi hoặc ΔƯĐ như sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** |  ***Nhà thầu(2)******Hàng hóa(1)*** | ***Nhà thầu 1*** | ***…*** | ***Nhà thầu N*** |
| **Loại hàng hóa(3)** | **Giá của hàng hóa sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có)(4)** | **Điểm ưu đãi hoặc ΔƯĐ(5)** (đối với từng hàng hóa) |  | **Loại hàng hóa(3)** | **Giá của hàng hóa sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có)(4)** | **Điểm ưu đãi/ΔƯĐ(5)**(đối với từng hàng hóa) |
| *1* | *Hàng hóa 1* |  |  | **Điểm ưu đãi1 hoặc Δ1** |  |  |  | **Điểm ưu đãi1 hoặc Δ1** |
| *2* | *Hàng hóa 2* |  |  | **Điểm ưu đãi2 hoặc Δ2** |  |  |  | **Điểm ưu đãi2 hoặc Δ2** |
| *..* | *…* |  |  | *…* |  |  |  | *…* |
|  | ***Điểm ưu đãi hoặc* ΔƯĐ** |  | ***=* Điểm ưu đãi1 + Điểm ưu đãi2 +... hoặc = Δ1 + Δ2 +…** |  |  | ***=* Điểm ưu đãi1 + Điểm ưu đãi2 +... hoặc = Δ1 + Δ2 +…** |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1) Ghi tên các hàng hóa được ưu đãi;*

*(2) Ghi tên các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật;*

*(3) Ghi loại hàng hóa theo quy tắc như sau:*

*- Ghi số “0” với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;*

*- Ghi số “1” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50%;*

*- Ghi số “2” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực;*

- *Ghi số “3” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên;*

*- Ghi số “4” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực;*

*- Ghi số “5” với Sản phẩm đổi mới sáng tạo là hàng hóa có xuất xứ Việt Nam.*

*(4): Ghi giá dự thầu của hàng hóa trong HSDT sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có)*

*(5): Điểm ưu đãi hoặc ΔƯĐ**được tính tương ứng theo quy định tại HSMT;*

*Đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá dùng từ: Điểm ưu đãi;*

*Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; giá đánh giá dùng từ: ΔƯĐ;*

 *Không cần xác định ưu đãi nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc tất cả các nhà thầu cùng chào hàng hóa được hưởng ưu đãi như nhau hoặc cùng chào hàng hóa không được hưởng ưu đãi.*

**Mẫu số 9**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH**

HSDT của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị**  |
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)) |  |
| 2 | Giá trị sửa lỗi (nếu có) |  |
| 3 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) |  |
| 4 | Tỷ lệ sai lệch thiếu (nếu có) |  |
| 5 | Giá trị giảm giá (nếu có) |  |
| 6 | Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) |  |
| 7 | Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có) |  |
| 8 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) |  |
|  | **Phương pháp giá thấp nhất(1)** |  |
| 9 | ΔƯĐ (nếu có)(2) |  |
| 10 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có) |  |
|  | **Phương pháp giá đánh giá(3)** |  |
| 11 | ΔG |  |
| 12 | ΔƯĐ (nếu có)(4) |  |
| 13 | Giá đánh giá |  |
|  | **Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá(5)** |  |
| 14 | Điểm giá  |  |
| 15 | Điểm kỹ thuật |  |
| 16 | Điểm tổng hợp  |  |
| 17 | Điểm ưu đãi (nếu có)(6) |  |
| 18 | Điểm tổng hợp sau ưu đãi  |  |

 **Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1) Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.*

*(3) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.*

*(2), (4), (6): Điểm ưu đãi, ΔƯĐ lấy tại Mẫu số 8*

*(5) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.*

**PHẦN III:** **DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM**

| **STT** | **Tài liệu** | **Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu** |  |
| 1 | Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có) |  |
| 2 | Kế hoạch lựa chọn nhà thầu |  |
| 3 | Quyết định phê duyệt HSMT, kèm theo HSMT được duyệt |  |
| 4 | Văn bản thành lập Tổ chuyên gia |  |
| 5 | Quy chế làm việc của Tổ chuyên gia (nếu có) |  |
| 6 | Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên trong Tổ chuyên gia |  |
| 7 | Bản cam kết của các thành viên Tổ chuyên gia |  |
| **II** | **Tổ chức lựa chọn nhà thầu** |  |
| 1 | Thông báo mời thầu hoặc thư mời thầu |  |
| 2 | Văn bản yêu cầu làm rõ HSMT của nhà thầu (nếu có) |  |
| 3 | Văn bản làm rõ HSMT (nếu có) |  |
| 4 | Văn bản sửa đổi HSMT (nếu có)  |  |
| 5 | Biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) |  |
| 6 | Văn bản cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có), kèm theo thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có) |  |
| 7 | Tài liệu xác nhận nhà thầu nộp HSDT |  |
| 8 | Biên bản đóng thầu (nếu có) |  |
| 9 | Biên bản mở HSĐXKT, mở HSĐXTC |  |
| **III** | **Đánh giá HSDT** |  |
| 1 | Bản kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp HSDT của các nhà thầu |  |
| 2 | Tài liệu yêu cầu làm rõ HSDT của Bên mời thầu và tài liệu làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có) |  |
| 3 | Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có) |  |
| 4 | Các tài liệu khác có liên quan (nếu có) |  |

1. Trường hợp là dự toán mua sắm thì thay toàn bộ cụm từ "dự án" thành "dự toán mua sắm" trong báo cáo này. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trường hợp HSMT quy định cho phép nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì Tổ chuyên gia tiến hành đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có) theo các tiêu chuẩn quy định trong HSMT. [↑](#footnote-ref-2)
3. Bên mời thầu thực hiện nội dung này. [↑](#footnote-ref-3)
4. Trường hợp là dự toán mua sắm thì thay toàn bộ cụm từ "dự án" thành "dự toán mua sắm" trong báo cáo này. [↑](#footnote-ref-4)
5. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-5)
6. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-6)
7. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-7)
8. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-8)
9. *Kết chuyển từ STT 10 Bảng số 3.* [↑](#footnote-ref-9)
10. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-10)
11. *Kết chuyển từ STT 13 Bảng số 3.* [↑](#footnote-ref-11)
12. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-12)
13. *Kết chuyển từ STT 18 Bảng số 3.* [↑](#footnote-ref-13)
14. *Trường hợp HSMT không cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế thì xóa bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-14)
15. Bên mời thầu thực hiện nội dung này. [↑](#footnote-ref-15)